

Bản án số: 526/2026/HS-ST
Ngày: 30-07-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Thẩm phán: Ông Lê Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy
3. Bà Trần Thị Như Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kế Út - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 781/2026/TLST-HS ngày 25/06/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4497/2026/QĐXXST-HS ngày 16/07/2026, đối với bị cáo:

Lê Ngọc P; giới tính: Nam; Sinh ngày 29/6/1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: C B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi tạm trú: 364/7/15 B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Ngọc C, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1957; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 09/4/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST).

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/8/2023 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc P: Bà Trần Thị Huy C1, Luật sư thuộc Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: 26/6 D khu phố H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đỗ Quang D, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: 10.07 lô B chung cư 9 V, số A đường số A, phường P, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Thường trú: C B, Phường A, Quận H (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tổ F khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đầu tư chứng khoán thua lỗ, không có tiền tiêu xài cá nhân nên Lê Ngọc P nảy sinh ý định mạo danh là đang làm việc tại các ngân hàng khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, có khả năng lập hồ sơ vay vốn ngân hàng, sau đó lấy tiền của nhiều người có nhu cầu vay rồi bỏ trốn, cụ thể:

Vụ thứ 01: Khoảng tháng 8 năm 2020, thông qua các mối quan hệ xã hội ông Nguyễn Thanh S quen biết với Lê Ngọc P. Biết ông S có nhu cầu vay vốn ngân hàng nên P tự nhận là nhân viên tín dụng của Ngân hàng N – chi nhánh N1 (A) và có khả năng làm hợp đồng cho ông S vay ngân hàng với số tiền là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng), ông S phải đưa tiền trước cho P làm hồ sơ và thẩm định tài sản. P nhiều lần yêu cầu ông S chuyển tiền, trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 01/6/2021 ông S đã chuyển cho P nhiều lần với số tiền là 374.300.000 đồng qua tài khoản của P mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (S2) và 50.000.000 đồng tiền mặt (có giấy biên nhận). Sau khi nhận tổng số tiền 424.300.000 đồng của ông S, trong đó 82.700.000 đồng ông S cho P mượn, còn lại 341.600.000 đồng đưa cho P làm hồ sơ vay vốn ngân hàng nhưng P không thực hiện, liên tục trốn tránh và không trả lại tiền cho ông S nên ông S làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy nhận tiền có chữ ký, chữ viết Lê Ngọc P xác nhận.

Theo kết luận giám định số 3834/KL-KTHS ngày 14/4/2025 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: “*Chữ ký, chữ viết họ tên Lê Ngọc P trên giấy nhận tiền do anh S cung cấp so với chữ ký, chữ viết của Lê Ngọc P do cùng một người ký, viết ra.*”

Vụ thứ 02: Khoảng tháng 9 năm 2020, thông qua các mối quan hệ xã hội bà Nguyễn Thị Huyền T1 quen biết với Lê Ngọc P. Biết bà T1 có nhu cầu vay vốn ngân hàng nên P tự nhận là nhân viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (BVB) và có khả năng làm hợp đồng vay vốn ngân hàng cho bà T1 với số tiền là 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng) và bà T1 phải đưa tiền trước cho P làm hồ sơ và thẩm định tài sản. Sau đó, P nhiều lần yêu cầu bà T1 chuyển tiền, trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2021 đến ngày 15/3/2021 bà T1 đã chuyển cho P nhiều lần với số tiền là 92.500.000 đồng qua tài khoản của P mở tại Ngân hàng A1 và 20.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận tổng số tiền 118.500.000 đồng của bà T1, P không làm hồ sơ vay

vốn, liên tục trốn tránh, bà T1 liên tục đòi lại tiền thì P trả lại 20.000.000 đồng cho bà T1, còn lại 92.500.000 đồng P trốn tránh không trả lại tiền cho bà T1 nên bà T1 làm đơn tố cáo.

Vụ thứ 03: Ông Đỗ Quang D có nhu cầu vay vốn ngân hàng nên được người quen giới thiệu gặp Lê Ngọc P. Ngày 01/11/2021 ông D gặp P và P tự nhận là nhân viên đang làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1) có khả năng làm 02 bộ hồ sơ vay vốn ngân hàng và ông D phải đưa tiền trước cho P làm hồ sơ và thẩm định tài sản. Sau đó, P nhiều lần yêu cầu ông D chuyển tiền, trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2022 đến ngày 24/11/2022 ông D đã chuyển cho P nhiều lần với tổng số tiền là 445.000.000 đồng qua tài khoản của P mở tại Ngân hàng A1. Sau khi nhận tiền, P không làm hồ sơ vay vốn, liên tục trốn tránh và không trả lại tiền nên ông D làm đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy nhận tiền có chữ ký, chữ viết Lê Ngọc P xác nhận.

Theo kết luận giám định số 3550/KL-KTHS ngày 28/8/2025 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: *“Chữ ký, chữ viết họ tên Lê Ngọc P trên giấy nhận tiền do anh D cung cấp so với chữ ký, chữ viết của Lê Ngọc P do cùng một người ký, viết ra.”*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lê Ngọc P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của P phù hợp với lời khai ông Nguyễn Thanh S, Đỗ Quang D và bà Nguyễn Thị Huyền T1, tin nhắn điện thoại, sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thanh S yêu cầu bồi thường số tiền 424.300.000 đồng (bao gồm 341.600.000 đồng bị P chiếm đoạt và 82.700.000 đồng cho P mượn); bà Nguyễn Thị Huyền T1 yêu cầu bồi thường số tiền 92.500.000 đồng; ông Đỗ Quang D yêu cầu bồi thường số tiền 445.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 847/CT-VKS-P2 ngày 23/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như cáo trạng nêu và trình bày bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 64.600.000 đồng và đã trả cho bà T1 số tiền là 20.000.000 đồng, nên còn lại 92.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt và vay mượn cho các bị hại, đồng thời bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại ông Nguyễn Thanh S, Đỗ Quang D và bà Nguyễn Thị Huyền T1 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án và trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố

để xét xử đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt và điều luật truy tố là có cơ sở pháp luật, đề nghị: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc P từ 13 năm tù đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 09 năm tù của Bản án sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Về trách nhiệm dân sự của vụ án, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư Trần Thị Huy C1 bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc P trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi 02 con còn nhỏ, mặc dù bị cáo không khai sinh cho con do chưa đăng ký kết hôn với vợ. Đối với hành vi phạm tội của bị cáo, mặc dù cùng một phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nhau, nhưng vụ án lại được tách để xử lý tại hai địa phương khác nhau, gây bất lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Ngoài ra, bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 64.600.000 đồng nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, Luật sư đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Lê Ngọc P đồng ý quan điểm bào chữa của Luật sư và không trình bày thêm.

Đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư, đại diện Viện kiểm sát trình bày: Đối với ý kiến của Luật sư về việc không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc áp dụng tình tiết này là có căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên vẫn giữ nguyên quan điểm. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định bị cáo đã bồi thường cho bị hại như Luật sư trình bày nên không có cơ sở chấp nhận.

Sau khi tranh luận đối đáp, các bên giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã đề nghị và trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét xử nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc P không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Lê Ngọc P tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2020 đến ngày 24/11/2022, do đầu tư chứng khoán thua lỗ, không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Lê Ngọc P đã nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân là nhân viên tín dụng, nhân viên ngân hàng đang làm việc tại Ngân hàng N – Chi nhánh N1 (A), Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (BVB) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1), đồng thời có khả năng làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cho những người có nhu cầu vay tiền nhằm tạo sự tin tưởng để nhận tiền làm hồ sơ, thẩm định tài sản rồi chiếm đoạt.

Cụ thể, đối với ông Nguyễn Thanh S, bị cáo đưa ra thông tin gian dối có khả năng làm hồ sơ vay nên ông S đã nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo, qua đó đã chiếm đoạt số tiền 341.600.000 đồng. Đối với bà Nguyễn Thị Huyền T1, bị cáo tiếp tục sử dụng thủ đoạn tương tự, nhận tổng số tiền 118.500.000 đồng để làm hồ sơ vay vốn, sau đó trả lại 20.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 92.500.000 đồng. Đối với ông Đỗ Quang D, bị cáo nhận làm 02 bộ hồ sơ vay vốn ngân hàng và yêu cầu ông D chuyển tiền để làm hồ sơ, thẩm định tài sản, qua đó chiếm đoạt số tiền 445.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Ngọc P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh S số tiền 341.600.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Huyền T1 số tiền 92.500.000 đồng và của ông Đỗ Quang D số tiền 445.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 879.100.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Ngọc P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Ngọc P là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự quản lý nhà nước, gây mất an ninh, trật tự ở địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật trừng phạt, nhưng đã bất chấp hậu quả, nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do đã áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo về tội này.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại, góp phần khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; đồng thời bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và số tiền chiếm đoạt là 879.100.000 đồng, nên Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho các bị hại, xét thấy sự tự nguyện này không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ông Nguyễn Thanh S: Buộc bị cáo Lê Ngọc P bồi thường số tiền 356.100.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Huyền T1: Buộc bị cáo Lê Ngọc P bồi thường số tiền yêu cầu bồi thường số tiền 92.500.000 đồng;

Đối với ông Đỗ Quang D: Buộc bị cáo Lê Ngọc P bồi thường số tiền yêu cầu bồi thường số tiền 445.000.000 đồng.

[6] Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và chấp nhận một phần quan điểm bào chữa của Luật sư.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc P** 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2023.

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm tù của Bản án sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2023.

2. Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Ngọc P bồi thường cho:

- Ông Nguyễn Thanh S số tiền 356.100.000 (ba trăm năm mươi sáu triệu một trăm ngàn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Huyền T1 số tiền 92.500.000 (chín mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Ông Đỗ Quang D số tiền 445.000.000 (bốn trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc không thi hành đầy đủ các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm thi hành.

Bị cáo Lê Ngọc P phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 38.808.000 (ba mươi tám triệu tám trăm linh tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|------|
| - Tòa án nhân dân tối cao; | (1) |
| - Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - CA TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Luật sư; | (3) |
| - Dương sự; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - THA dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (8) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ | (25) |

Phạm Uyên Thy